

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 22-5-2020.

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Hồng Hải.

Bà Trần Lệ Hằng.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Ngọc Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung tham gia phiên tòa: ông Bùi Văn Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2019/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2019 “Về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Đặng Thị Bé S, sinh năm: 1981 (có mặt).

Cư trú tại: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn Mận A, sinh năm: 1972 (vắng mặt).

Cư trú tại: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đặng Thị Bé S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Bé S và anh Nguyễn Văn Mận A tự nguyện chung sống như vợ chồng vào tháng 02 năm 1998, nhưng từ đó đến nay chị Bé S và anh Mận A không có đăng ký kết hôn. Sau đó thì giữa chị Bé S và anh Mận A phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên cuộc sống không hạnh phúc, chị Bé S và anh Mận A đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2019, nên chị Bé S yêu cầu tuyên bố không công nhận chị Bé S và anh Mận A là vợ chồng.

- Về con chung: trong thời gian chung sống chị Bé S và anh Mận A có 03 người con chung tên Nguyễn Đăng Thị Thế M, sinh ngày 14/8/2000; Nguyễn Đăng Thị Thúy D, sinh ngày 28/3/2005 và Nguyễn Đăng Triệu P, sinh ngày 07/3/2007. Hiện nay cháu Thế M đã thành niên, còn cháu Thúy D và cháu Triệu P đang sống với chị Bé S. Chị Bé S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thúy D và cháu Triệu P cho đến khi 02 cháu thành niên, không yêu cầu anh Mận A cấp dưỡng nuôi con; riêng đối với cháu Thế M đã thành niên không mắc bệnh tật gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: trong thời gian chung sống chị Bé S và anh Mận A có tài sản chung và nợ chung, nhưng chị Bé S và anh Mận A đã tự thỏa thuận chia xong, nên chị Bé S không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Đặng Thị Bé S vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

* Bị đơn là anh Nguyễn Văn Mận A đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, nên anh Mận A đã biết được yêu cầu của chị Bé S, nhưng anh Mận A không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị Bé S.

Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã ban hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập anh Nguyễn Văn Mận A tham gia phiên họp hai lần hợp lệ, nhưng anh Mận A vắng mặt không có lý do và anh Mận A cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Bé S. Về quan hệ hôn nhân: tuyên bố không công nhận chị Bé S và anh Mận A là vợ chồng; về con chung: giao cho chị Bé S nuôi dưỡng 02 cháu Thúy D và cháu Triệu P cho đến khi 02 cháu thành niên, anh Mận A không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, riêng đối với cháu Thế M đã thành niên chị Bé S không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: chị Bé S và anh Mận A không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 12 năm 2019 của chị Đặng Thị Bé S thì chị Bé S khởi kiện yêu cầu tuyên bố không công nhận chị Bé S và anh Nguyễn Văn Mận A là vợ chồng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là Hôn nhân và gia đình theo khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Đặng Thị Bé S và anh Nguyễn Văn Mận A tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01 năm 1998, nhưng từ đó đến nay không có đăng ký kết hôn.

Xét thấy: chị Bé S và anh Mận A tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng khi đã đủ tuổi kết hôn và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tại phiên tòa chị Bé S yêu cầu tuyên bố không công nhận chị Bé S và anh Mận A là vợ chồng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử tuyên bố không công nhận chị Bé S và anh Mận A là vợ chồng.

[3] Về con chung: trong thời gian chung sống chị Bé S và anh Mận A có 03 người con chung tên Nguyễn Đặng Thị Thê M, sinh ngày 14/8/2000; Nguyễn Đặng Thị Thúy D, sinh ngày 28/3/2005 và Nguyễn Đặng Triệu P, sinh ngày 07/3/2007. Hiện nay cháu Thê M đã thành niên, còn cháu Thúy D và cháu Triệu P đang sống với chị Bé S. Chị Bé S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thúy D và cháu Triệu P cho đến khi 02 cháu thành niên, không yêu cầu anh Mận A cấp dưỡng nuôi con; riêng đối với cháu Thê M đã thành niên không mắc bệnh tật gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Mận A không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị Bé S.

Xét thấy: từ khi chị Bé S và anh Mận A sống ly thân cho đến nay chị Bé S là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thúy D và cháu Triệu P, hiện nay cháu Thúy D và cháu Triệu P đang có cuộc sống ổn định, được đi học đúng độ tuổi; nguyện vọng của cháu Thúy D và cháu Triệu P cũng muốn được tiếp tục sống chung với chị Bé S; việc chị Bé S yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Thúy D và cháu Triệu P là phù hợp với nguyện vọng của cháu Thúy D và cháu Triệu P và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Thúy D và cháu Triệu P, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu Thúy D và cháu Triệu P cho chị Bé S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Thúy D và cháu Triệu P thành niên. Do chị Bé S không yêu cầu anh Mận A cấp dưỡng nuôi con, nên anh Mận A không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh Mận A, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Riêng cháu Nguyễn Đặng Thị Thê M, sinh ngày 14/8/2000 đã thành niên, không mắc bệnh tật gì. Hai đương sự không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: trong thời gian chung sống chị Đặng Thị Bé S và anh Nguyễn Văn Mận A có tài sản chung và nợ chung, nhưng chị Bé S và anh Mận A đã tự thỏa thuận chia xong. Chị Bé S và anh Mận A không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Bé S. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc chị Đặng Thị Bé S phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị Bé S được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009695 ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, như vậy chị Bé S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Nguyễn Văn Mận A không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Ngoài ra, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Bé S.

1. Về quan hệ hôn nhân: tuyên bố không công nhận chị Đặng Thị Bé S và anh Nguyễn Văn Mận A là vợ chồng.

2. Về con chung: giao 02 cháu Nguyễn Đặng Thị Thúy D, sinh ngày 28/3/2005 và Nguyễn Đặng Triệu P, sinh ngày 07/3/2007 cho chị Đặng Thị Bé S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Thúy D và cháu Triệu P thành niên. Anh Nguyễn Văn Mận A không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh Mận A, không ai được cản trở.

Riêng cháu Nguyễn Đặng Thị Thế M, sinh ngày 14/8/2000 đã thành niên, không mắc bệnh tật gì. Hai đương sự không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị Đặng Thị Bé S và anh Nguyễn Văn Mận A không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: chị Đặng Thị Bé S phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị Bé S được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009695 ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, như vậy chị Bé S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Nguyễn Văn Mận A không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: nguyên đơn chị Đặng Thị Bé S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Mận A không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo